**I. Sơ đồ Use case Quản lý nhóm công việc**

**II. Đặc tả các Use case**

**1. Đặc tả Use case “Xem chi tiết nhóm công việc**”

- Tên: Xem chi tiết nhóm công việc

- Mục đích sử dụng: Cho phép

Quản trị viên dự án và thành viên trong dự án có thể xem chi tiết nhóm công việc trong dự án của mình

- Tác nhân: Quản trịiết viên dự án, thành viên dự án

- Sự kiện kích hoạt: Quản trị viên dự án hoặc thành viên chọn xem chi tiết nhóm công việc

- Điều kiện tiên quyết: Người dùng đã xem chi tiết dự án

- Kịch bản chính:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Quản trị dự án hoặc thành viên dự án chọn “Xem chi tiết nhóm công việc” | 2. Hệ thống truy xuất ra thông tin liên quan đến nhóm công việc được chọn (\*) |

(\*) Dữ liệu đầu ra bao gồm

1. Tên dự án

2. Mức độ phần trăm hoàn thành công việc

3. Danh sách công việc trong nhóm, bao gồm các trường:

3.1 Tên công việc

3.2 Người thực hiện

3.3 Ngày bắt đầu

3.4 Ngày hoàn thành

**2. Đặc tả Use case “Thêm nhóm công việc”**

- Tên: Thêm nhóm công việc

- Mục đích sử dụng: Cho phép quản trị viên dự án có thể thêm một nhóm công việc trong dự án

- Tác nhân: Quản trị viên dự án

- Sự kiện kích hoạt: Quản trị viên dự án bấm nút “Thêm nhóm công việc”

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị viên đã chọn xem chi tiết dự án muốn thêm nhóm công việc

- Kịch bản chính:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Quản trị viên dự án chọn nút “Tạo mới” | 2. Hệ thống hiển thị form tạo mới nhóm công việc |
| 3. Quản trị viên dự án nhập các trường cần thiết (\*) |  |
| 4. Quản trị viên dự án nhấn nút “OK” | 5. Hệ thống kiểm tra trường dữ liệu nhập vào và thêm vào CSDL rồi hiển thị thông báo |

(\*) Dữ liệu đầu vào gồm: Tên nhóm công việc

- Luồng ngoại lệ:

+ Thông tin bị trùng - khi tên nhóm công việc trùng tên của nhóm công việc khác trong dự án: Khởi động ở điểm 5 của kịch bản chính. Hệ thống trả lại thông báo lỗi

+ Chưa nhập thông tin: Khởi động ở điểm 5 của kịch bản chính. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhập thông tin

**3. Đặc tả Use case “Sửa nhóm công việc”**

- Tên: Sửa nhóm công việc

- Mục đích sử dụng: Cho phép quản trị viên dự án sửa thông tin về nhóm công việc

- Tác nhân: Quản trị viên dự án

- Sự kiện kích hoạt: Quản trị viên dự án nhấn nút “Sửa nhóm công việc”

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị viên dự án đã xem chi tiết nhóm công việc

- Kịch bản chính:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Quản trị viên dự án bấm “Sửa nhóm công việc” | 2. Hệ thống hiển thị form sửa thông tin |
| 3. Nhập thông tin |  |
| 4. Bấm OK | 5. Hệ thống kiểm tra, cập nhật lại thông tin nhóm công việc và trả lại thông báo |

- Luồng ngoại lệ:

+ Thông tin bị trùng: Khởi động ở điểm 6 của kịch bản chính. Hệ thống trả lại thông báo lỗi

+ Chưa nhập thông tin: Khởi động ở điểm 6 của kịch bản chính. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhập thông tin

**4. Đặc tả Use case “Xóa nhóm công việc”**

- Tên: Xóa nhóm công việc

- Mục đích sử dụng: Cho phép quản trị viên dự án xóa nhóm công việc đã tạo

- Tác nhân: Quản trị viên dự án

- Sự kiện kích hoạt: Quản trị viên dự án chọn “Xóa” đối với nhóm công việc

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị viên dự án đã xem chi tiết nhóm công việc

- Kịch bản chính:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Quản trị viên dự án chọn nhóm công việc muốn xóa | 2. Hệ thống hiển thị giao diện xác nhận việc xóa |
| 3. Bấm “Xóa” | 4. Hệ thống xóa dữ liệu về sản phẩm và trả lại thông báo |

- Luồng ngoại lệ:

+ Quản trị viên dự án chọn “Hủy”: Khởi động tại điểm 3 của kịch bản chính. Kết thúc use case tại điểm này.